



DOI:10.22144/ctujos.2025.133

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA THANH NIÊN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Nguyễn Văn Nhiều Em* và Võ Thị Yến Thi

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Cần Thơ, Việt Nam

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): nvnem@ctu.edu.vn

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 09/12/2024

Sửa bài (Revised): 07/02/2025

Duyệt đăng (Accepted): 24/03/2025

Title: Factors affecting youth's entrepreneurial intention in Cu Lao Dung district, Soc Trang province

Author(s): Nguyen Van Nhieue Em* and Vo Thi Yen Thi

Affiliation(s): School of Social Sciences and Humanities, Can Tho University, Viet Nam

TÓM TẮT

Nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng với kết quả khảo sát 150 thanh niên. Phương pháp thống kê mô tả, phân tích dữ liệu đa biến (Cronbach's Alpha, EFA và phương pháp hồi quy tuyến tính). Kết quả nghiên cứu cho thấy, 72% thanh niên có ý định khởi nghiệp, trong lĩnh vực bán hàng online, thực phẩm và dịch vụ. Thông qua hệ số Cronbach's Alpha có độ tin cậy cao và được sử dụng để phân tích EFA. Cho thấy, sáu nhân tố với 22 biến quan sát giải thích 75,98% tổng phương sai đã được trích xuất. Qua mô hình hồi quy tuyến tính, ý định khởi nghiệp của thanh niên khu vực nghiên cứu chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm: tài chính, đặc điểm tính cách, chuẩn chủ quan, thái độ khởi nghiệp, giáo dục và nhận thức kiểm soát hành vi. Một số giải pháp đã được đề xuất trong nghiên cứu nhằm thúc đẩy ý định khởi nghiệp của thanh niên trong tương lai.

Từ khóa: Cù Lao Dung, tài chính, thanh niên, ý định khởi nghiệp

ABSTRACT

This study was conducted to identify the factors influencing the entrepreneurial intentions of youth in Cu Lao Dung district, Soc Trang province, through a survey of 150 young people. Descriptive statistics and multivariate data analysis methods (Cronbach's Alpha, EFA, and linear regression method) were employed. The results showed that 72% of young people had entrepreneurial intentions, primarily in the fields of online sales, food, and services. Through the Cronbach's Alpha coefficient, all initial observed variables of the six scales (except for variable DD5) were found to have high reliability and were used for EFA analysis. After conducting EFA, six factors with 22 observed variables explaining 75.98% of the total variance were extracted. The linear regression model showed that entrepreneurial intentions among the youth were influenced by various factors, including finance, personality traits, subjective norms, entrepreneurial attitude, education, and perceived behavioral control. Among these, finance was identified as the most significant barrier. The study also proposed several solutions to foster entrepreneurial intentions among youth in the future.

Keywords: Cu Lao Dung, entrepreneurial intention, finance, youth

1. GIỚI THIỆU

Hiện nay, khởi nghiệp (tiếng Anh là startup hay entrepreneurial intention) đang trở thành một lĩnh vực nghiên cứu và thực tiễn được quan tâm sâu rộng trên toàn cầu. Khởi nghiệp bao gồm các hoạt động cần thiết để tạo ra hoặc hình thành một doanh nghiệp mới hoặc tạo ra một tổ chức mới (Vu & Nguyen, 2023). Khởi nghiệp cũng được định nghĩa là sự sẵn lòng và khả năng của một cá nhân trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư và có thể thành lập, điều hành một doanh nghiệp thành công dựa trên việc nhận biết cơ hội trong một môi trường kinh doanh (Mekonnen, 2015). Theo Lee et al. (2006), tinh thần khởi nghiệp đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm tại nhiều quốc gia. Sobel and King (2008) cũng khẳng định rằng khởi nghiệp là chìa khoá quan trọng để đạt được sự phát triển kinh tế bền vững. Do đó, việc khuyến khích thanh niên tham gia khởi nghiệp trở thành ưu tiên hàng đầu của các nhà hoạch định chính sách.

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thế hệ doanh nhân trẻ tuổi đang ngày càng đóng góp nhiều hơn vào sự phát triển của đất nước thông qua tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Đặc biệt là thanh niên, với khả năng tận dụng các tiến bộ công nghệ, đã và đang tạo nên những doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, góp phần quan trọng vào quá trình tái cấu trúc và tăng trưởng kinh tế. Theo Cục Quản lý đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), trong giai đoạn 2016 - 2020, mỗi năm Việt Nam có trên 128.000 doanh nghiệp mới (tăng 1,6 lần so với giai đoạn 2011 - 2015), đồng thời, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới hằng năm có xu hướng tăng lên (Pham, 2021).

Tuy nhiên, ý định khởi nghiệp cũng chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh kinh tế - xã hội, điều kiện địa lý và mức độ phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp bao gồm tài chính (Haris et al., 2016; Huynh, 2020; Rusu et al., 2022; Vu & Nguyen, 2023), đặc điểm tính cách và thái độ khởi nghiệp (Phan & Tran, 2017; Fragoso et al., 2019), giáo dục và đào tạo doanh nhân (Zanabazar & Jigjiddorj, 2020; Huynh 2020; Wasilczuk & Lcznerska, 2024) và nhận thức kiểm soát hành vi (Zanabazar & Jigjiddorj, 2020; Le, 2020). Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu khi được thực hiện chủ yếu tập trung vào các khu vực đô thị, nơi có hệ sinh thái khởi nghiệp phát triển. Trong khi, việc thực

hiện các nghiên cứu tại khu vực nông thôn, các địa phương còn khó khăn về kinh tế, đặc biệt là những địa bàn đang trong giai đoạn từng bước phát triển kinh tế - xã hội như Cù Lao Dung, nơi mà thanh niên đối mặt với những thách thức về nguồn lực và cơ hội khởi nghiệp còn rất hạn chế.

Huyện Cù Lao Dung nằm trong vùng kinh tế biển thuộc tỉnh Sóc Trăng, là một khu vực có tiềm năng kinh tế với lợi thế về địa lý, gồm ba vùng sinh thái ngọt, lợ và mặn, phù hợp cho phát triển nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản công nghệ cao kết hợp với du lịch. Trong thời gian gần đây, các dự án hạ tầng như cải tạo nâng cấp tuyến đường trung tâm chạy dài từ đầu đến cuối Cù Lao Dung, xây dựng bến phà kết nối Cù Lao Dung - Trần Đề - Duyên Hải và cầu Đại Ngãi nối liền Quốc lộ 60 đã tạo ra những cơ hội mới cho sự phát triển kinh tế, thương mại, dịch vụ và du lịch tại Cù Lao Dung (People's Committee of Soc Trang province, 2023). Những điều kiện thuận lợi này đòi hỏi sự khuyến khích thanh niên địa phương tận dụng để triển khai các ý tưởng khởi nghiệp, góp phần giải quyết vấn đề việc làm tại nông thôn và thúc đẩy kinh tế địa phương. Tuy nhiên, cùng với các tiềm năng này, thanh niên tại địa phương vẫn gặp nhiều khó khăn khi khởi nghiệp, chẳng hạn các hoạt động khởi nghiệp còn thiếu sự đa dạng, thiếu sự tham gia của nhiều tổ chức, đặc biệt là các trường học và nhà đầu tư.

Xuất phát từ thực tế này, việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên huyện Cù Lao Dung là rất cần thiết. Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu không chỉ khuyến khích tinh thần khởi nghiệp mà còn đưa ra những giải pháp cụ thể để nâng cao tỷ lệ và chất lượng khởi nghiệp trong thanh niên tại địa phương.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2023. Đối tượng khảo sát tập trung vào khách thể thanh niên trên địa bàn huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp

Trong nghiên cứu, việc thu thập dữ liệu thứ cấp liên quan đến vấn đề nghiên cứu từ nhiều nguồn tài liệu sẵn có đã được tiến hành, bao gồm tài liệu từ trung tâm học liệu, các công trình nghiên cứu và các bài báo khoa học đã được công bố trong và ngoài nước.

2.3. Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

2.3.1. Phương pháp quan sát

Trong nghiên cứu, phương pháp quan sát được sử dụng để có thể dễ dàng làm rõ được thực trạng ý định khởi nghiệp của thanh niên huyện Cù Lao Dung. Việc quan sát các mô hình khởi nghiệp của thanh niên, những ý tưởng khởi nghiệp của thanh niên và những cuộc thi hay các lớp tập huấn về khởi nghiệp đã được tiến hành. Dựa trên kết quả quan sát, một bảng câu hỏi khảo sát sẽ được xây dựng để điều tra sâu hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp. Cuối cùng, các giải pháp cụ thể nhằm tăng cường và hỗ trợ ý định khởi nghiệp của thanh niên địa phương được đưa ra trong nghiên cứu.

2.3.2. Phương pháp chọn cỡ mẫu và tính cỡ mẫu

Trong nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu kết hợp được áp dụng để đảm bảo tính đại diện và khả thi. Cụ thể, mẫu chủ đích được chọn tập trung vào đối tượng thanh niên trên địa bàn huyện Cù Lao Dung. Mẫu được chọn thuận tiện và tiến hành thu thập dữ liệu tại những địa điểm thuận lợi, dễ tiếp cận đối tượng. Phương pháp này giúp tăng tốc độ thu thập dữ liệu và giảm chi phí nghiên cứu.

Để phân tích dữ liệu, phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) đã được áp dụng trong nghiên cứu. Theo Hair et al. (2010), để phân tích EFA đạt độ tin cậy cao, cần đảm bảo các yêu cầu về số lượng biến và mẫu. Cụ thể, số lượng biến đo lường cần tối thiểu là 50 và tốt hơn là 100, tỷ lệ quan sát/biến đo lường là 5:1, nghĩa là 1 biến đo lường cần tối thiểu 5 biến quan sát. Nghiên cứu này có 25 biến thuộc 06 nhóm nhân tố, do đó số mẫu tối thiểu để phân tích EFA là $n = 25 \times 6 = 150$ (mẫu). Phiếu khảo sát được chia thành 04 phần chính, bao gồm: (1) thông tin chung của đáp viên, (2) thực trạng ý định khởi nghiệp của thanh niên, (3) các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên khu vực nghiên cứu và (4) đề xuất các giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của thanh niên khu vực nghiên cứu.

2.3.3. Thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên

Thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên trên địa bàn huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng được xác định rõ ràng với 06 nhóm yếu tố như Bảng 1.

Thái độ khởi nghiệp: Thái độ của cá nhân đối với hành vi (Attitude Toward Behavior) thể hiện mức độ đánh giá cảm nhận tiêu cực hay tích cực của

cá nhân về vấn đề khởi nghiệp. Cảm nhận này bị ảnh hưởng bởi các yếu tố tâm lý và các tình huống đang hiện hữu theo mô hình lý thuyết hành vi có kế hoạch (Theory of planned behavior - TPB) của Ajzen (1991).

Chuẩn chủ quan (Subjective Norm): Theo Ajzen (1991) chuẩn chủ quan là ý kiến của mỗi người xung quanh. Chuẩn chủ quan đo lường các áp lực của xã hội mà một cá nhân tự cảm nhận được tác động đến quyết định thực hiện hành vi.

Nhận thức kiểm soát hành vi (Perceived Behavior Control): Phản ánh cảm nhận của cá nhân về độ khó dễ trong việc thực hiện hành vi. Yếu tố kiểm soát hành vi được nhìn nhận bao gồm 02 thành phần: yếu tố bên trong (đề cập đến sự tự tin của cá nhân để thực hiện hành vi) và yếu tố bên ngoài (đề cập đến nguồn lực như tài chính, thời gian, môi trường). Theo Ajzen (1991) đề nghị rằng, nhân tố kiểm soát hành vi tác động trực tiếp đến xu hướng thực hiện hành vi và nếu đương sự chính xác trong cảm nhận về mức độ kiểm soát của mình thì kiểm soát hành vi còn dự báo cả hành vi.

Giáo dục: Theo Wang & Wong (2004) khẳng định, việc giáo dục từ nhà trường giúp cung cấp những kiến thức cần thiết về kinh doanh, trang bị kỹ năng nghề nghiệp. Giáo dục và đào tạo ảnh hưởng đến mức độ đổi mới thông qua động lực, kiến thức và kỹ năng cần thiết cho khởi nghiệp thành công.

Đặc điểm tính cách: Theo Nga & Shamuganathan (2010), đặc điểm tính cách của một cá nhân được định nghĩa là mô thức thường xuyên của hành vi, suy nghĩ hay cảm xúc. Đây là những đặc điểm bền vững, giải thích cho sự khác biệt của hành vi trong những tình huống khác nhau.

Tài chính: Nguồn vốn là yếu tố đóng vai trò quan trọng trong suốt quá trình kinh doanh cũng như của các doanh nghiệp. Khi bắt đầu khởi nghiệp các thanh niên thường phải đối mặt với vấn đề huy động vốn để đầu tư cho ý tưởng của mình. Nếu tiếp cận tài chính một cách dễ dàng sẽ làm tăng cơ hội khởi nghiệp của thanh niên và ngược lại (Haris et al., 2016).

2.4. Phương pháp xử lý số liệu

2.4.1. Phương pháp thống kê mô tả

Dữ liệu sau khi thu thập được tiến hành mã hoá, các thống kê mô tả được thực hiện thông qua việc tính toán giá trị trung bình, phần trăm, tần suất cho các biến định tính nhằm thể hiện trực quan số liệu thu được. Bên cạnh đó, việc kiểm định t (Independent Sample T-test) cho mẫu độc lập còn được sử dụng trong nghiên cứu để so sánh sự khác

biệt về mức độ quan tâm đến khởi nghiệp giữa các nhóm thanh niên có đặc điểm khác nhau (giới tính, dân tộc, trình độ học vấn, nền tảng kinh doanh và nghề nghiệp). Thang đo Likert với 05 mức độ, trong đó 1 = Rất không đồng ý đến 5 = Rất đồng ý được sử dụng trong nghiên cứu để đo lường các yếu tố có liên quan đến đề xuất giải pháp khởi nghiệp (Hoang & Chu, 2008).

2.4.2. Phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Trong nghiên cứu, phương pháp EFA được sử dụng để tìm ra các nhân tố được đề xuất có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên. Trước khi tiến hành phân tích EFA, độ tin cậy của các thang đo về thái độ khởi nghiệp, chuẩn chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi, giáo dục, đặc điểm cá nhân và tài chính được đánh giá bằng hệ số

Cronbach's Alpha. Theo Nguyen (2011), một thang đo được coi là tin cậy khi Cronbach's Alpha $\geq 0,6$ và hệ số tương quan biến - tổng $> 0,4$. Sau khi đảm bảo độ tin cậy, việc phân tích EFA được thực hiện để kiểm định mối quan hệ giữa các biến và loại bỏ những biến không phù hợp. Kiểm định Bartlett's và chỉ số KMO được sử dụng để xem xét sự thích hợp, thoả điều kiện của phân tích nhân tố (Vo & Le, 2021; Swaramarinda et al., 2022; Vu & Nguyen, 2023). Theo Hoang & Chu (2008), hệ số KMO phải thoả điều kiện $0,5 \leq KMO \leq 1$ và $Sig. < 0,05$. Trong phân tích EFA, các biến quan sát có hệ số tải nhân tố (Factor loading) cụ thể lớn hơn 0,5 mới được coi là tải trọng đáng kể trên nhân tố đó và các nhân tố phải có giá trị Eigenvalue > 1 mới được giữ lại (Vo & Le, 2021). Tổng phương sai trích của các nhân tố được giữ lại nên bằng hoặc lớn hơn 50% (Vo & Le, 2021).

Bảng 1. Thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên tại khu vực nghiên cứu

Ký hiệu	Biến quan sát	Nguồn tham khảo
Thái độ khởi nghiệp - TD		
TD1	Tôi cảm thấy hứng thú với việc khởi nghiệp	Miranda et al. (2017)
TD2	Tôi cho rằng việc khởi nghiệp mang lại nhiều lợi ích hơn bất lợi	Yurtkoru (2014)
TD3	Trong các lựa chọn khác nhau, khởi nghiệp là sự ưu tiên của tôi	Liñán & Chen (2009)
TD4	Nếu có cơ hội và nguồn lực tôi sẽ khởi nghiệp	Krueger et al. (2000)
Chuẩn chủ quan - CQ		
CQ1	Các thành viên trong gia đình sẽ ủng hộ ý định khởi nghiệp của tôi	Miranda et al. (2017)
CQ2	Bạn bè sẽ ủng hộ ý định khởi nghiệp của tôi	Liñán & Chen (2009)
CQ3	Tại nơi tôi đang sống, mọi người được khuyến khích khởi nghiệp	Krueger et al. (2000)
CQ4	Tôi biết nhiều người đã khởi nghiệp thành công	Krueger et al. (2000)
Nhận thức kiểm soát hành vi - NT		
NT1	Tôi tin rằng mình có đủ tố chất để tạo lập và vận hành một doanh nghiệp khởi nghiệp	Autio et al. (2001)
NT2	Tôi tin rằng mình có đủ năng lực tài chính để bắt đầu khởi nghiệp	Yurtkoru (2014)
NT3	Tôi có một mạng lưới quan hệ rộng có thể tận dụng trong quá trình khởi nghiệp của tôi	Yurtkoru (2014)
NT4	Tôi tin rằng mình tiếp cận được các nguồn thông tin đáng tin cậy, hữu ích cho doanh nghiệp khởi nghiệp	Liñán and Chen (2009)
Giáo dục - GD		
GD1	Nhà trường cung cấp đủ kiến thức cần thiết về khởi nghiệp	Haris et al. (2016)
GD2	Chương trình học chính ở trường trang bị đủ kiến thức về khởi nghiệp	Haris et al. (2016)
GD3	Nhà trường phát triển kỹ năng khởi nghiệp của tôi	Haris et al. (2016)
GD4	Nhà trường thường tổ chức những hoạt động về khởi nghiệp	Haris et al. (2016)
GD5	Tôi tiếp thu những kiến thức về khởi nghiệp từ gia đình	Sinh viên đề xuất

Ký hiệu	Biến quan sát	Nguồn tham khảo
Đặc điểm tính cách - DD		
DD1	Tôi có xu hướng chọn những nghề nghiệp đòi hỏi sự khám phá, sáng tạo	Mat et al. (2015)
DD2	Tôi coi kinh doanh là thú vị, vì thách thức khả năng của tôi	Mat et al. (2015)
DD3	Tôi dám đối mặt trở ngại trong kinh doanh	Mat et al. (2015)
DD4	Tôi dám chấp nhận rủi ro trong kinh doanh	Mat et al. (2015)
DD5	Tôi có đủ năng lực để quản lý doanh nghiệp	Mat et al. (2015)
Tài chính - TC		
TC1	Tôi có thể vay số tiền từ bạn bè, người thân để khởi nghiệp	Haris et al. (2016)
TC2	Tôi có khả năng tích lũy vốn để khởi nghiệp (nhờ tiết kiệm chi tiêu, làm thêm)	Haris et al. (2016)
TC3	Tôi có thể huy động vốn từ nguồn khác để khởi nghiệp (ngân hàng, quỹ tín dụng)	Haris et al. (2016)

2.4.3. Phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính

Từ kết quả phân tích EFA, việc phân tích hồi quy tuyến tính đa biến được tiến hành trong nghiên cứu để kiểm định mô hình và các giả thuyết của nghiên cứu gồm các bước: (1) Kiểm tra tương quan giữa các biến độc lập với nhau và với biến phụ thuộc thông qua ma trận tương quan và (2) xây dựng và kiểm định mô hình hồi quy tuyến tính $Y = \beta_0 + \beta_1X_1 + \beta_2X_2 + \beta_3X_3 + \beta_4X_4 + \dots + \beta_kX_k$ với Y là biến phụ thuộc; $\beta, \beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4$ và β_k là các hệ số Beta; X_1, X_2, X_3, X_4, X_k là các biến độc lập (Nguyen, 2011). Trong nghiên cứu này, phương trình hồi quy tuyến tính cho phép xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên và có dạng tổng quát như sau:

(1) Phương trình hồi quy chuẩn hoá: $YDKN1 = \beta_1TD + \beta_2CQ + \beta_3NT + \beta_4GD + \beta_5DD + \beta_6TC$ (kết quả nghiên cứu giúp phân tích được ảnh hưởng của biến độc lập X đến ý định khởi nghiệp Y, căn cứ vào trị tuyệt đối của hệ số hồi quy chuẩn hoá, trị tuyệt đối hệ số Beta càng lớn thì tầm quan trọng của biến đối với Y càng lớn).

(2) Phương trình hồi quy chưa chuẩn hóa: $YDKN2 = \beta_0 + \beta_1TD + \beta_2CQ + \beta_3NT + \beta_4GD + \beta_5DD + \beta_6TC$ (từ phương trình hồi quy chưa chuẩn hóa, kết quả nghiên cứu giúp phân tích được sự thay đổi của biến phụ thuộc ý định khởi nghiệp Y khi một biến độc lập X thay đổi và các biến độc lập X còn lại được giữ nguyên).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thông tin chung của đáp viên

Trong tổng 150 số quan sát về thực trạng ý định khởi nghiệp và các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ đáp viên nam và nữ chênh lệch không

đáng kể, lần lượt chiếm 54,7% và 45,3% tổng số (Bảng 2). Tỷ lệ này gần bằng nhau nên cơ cấu số quan sát được đánh giá là không bất đối xứng (Phan & Tran, 2017). Kết quả phân tích thống kê cho thấy, mặc dù thanh niên nam có mức độ quan tâm đến vấn đề khởi nghiệp cao hơn nữ thanh niên, tuy nhiên, sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Kết quả này phản ánh, mặc dù có những quan niệm xã hội cho rằng nam giới thường có xu hướng khởi nghiệp nhiều hơn nữ giới, nhưng trong bối cảnh cụ thể của thanh niên huyện Cù Lao Dung, sự khác biệt về giới tính không phải là yếu tố quyết định chính đến ý định khởi nghiệp. Tương tự, kết quả nghiên cứu của Shinnar et al. (2012) cũng chỉ ra rằng mặc dù nữ giới thường có mức độ tự tin thấp hơn nam giới khi quyết định khởi nghiệp, nhưng điều này không ảnh hưởng đáng kể đến ý định thực tế nếu họ nhận được sự hỗ trợ phù hợp từ gia đình và xã hội.

Bên cạnh đó, trình độ học vấn là yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng đến nhận thức và ý định khởi nghiệp của thanh niên. Kết quả phản ánh rằng, thanh niên tại khu vực nghiên cứu có nền tảng giáo dục khá tốt, từ đại học trở lên chiếm khoảng 56% (Bảng 2). Đặc biệt, nhóm thanh niên có trình độ cao học thể hiện mức độ quan tâm đến khởi nghiệp cao nhất và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê so với các nhóm học vấn còn lại ($p < 0,05$). Điều này cho thấy trình độ học vấn cao có tác động tích cực đến nhận thức khởi nghiệp và khả năng ra quyết định kinh doanh (Zhang et al., 2014; Nabi et al., 2017). Đặc biệt là ở bậc cao học, các cá nhân được cung cấp những kiến thức chuyên môn sâu rộng, kỹ năng tư duy phân biện và mạng lưới quan hệ rộng rãi. Nhờ đó, những người có trình độ học cao học thường có khả năng nhận thức rõ hơn về các cơ hội và thách thức trong khởi nghiệp, đồng thời tự tin hơn trong việc thực hiện ý tưởng kinh doanh của mình.

Bảng 2. Một số thông tin chung của đáp viên

Tiêu chí	Nội dung	Tần suất quan sát	Tỷ lệ (%)	Mức độ quan tâm khởi nghiệp
Giới tính	Nam	82	54,7	4,27 ^a
	Nữ	68	45,3	4,00 ^a
Trình độ học vấn	Cấp 3 trở xuống	40	26,7	4,28 ^b
	Trung cấp/cao đẳng	26	17,3	3,88 ^b
	Đại học	81	54	4,14 ^b
	Sau đại học	3	2	5,00 ^a
Dân tộc	Kinh	117	78	4,18 ^a
	Khmer	24	16	3,67 ^a
	Hoa	9	6	4,17 ^a
Nền tảng kinh doanh	Có kinh doanh	69	46	4,23 ^a
	Không kinh doanh	81	54	4,07 ^b
Nghề nghiệp	Làm thuê	20	13,3	4,05 ^{ab}
	Học sinh, sinh viên	91	60,7	4,19 ^{ab}
	Phụ giúp gia đình	12	8	4,00 ^{ab}
	Kinh doanh	18	12	4,39 ^a
	Công chức	3	2	4,00 ^{ab}
	Khác	6	4	3,50 ^b

Ghi chú: a, b khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$)

Trong bối cảnh đa dân tộc của huyện Cù Lao Dung, yếu tố dân tộc được xem là một yếu tố quan trọng có thể ảnh hưởng đến văn hoá, quan niệm và từ đó tác động đến ý định khởi nghiệp của thanh niên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ thanh niên theo dân tộc có sự chênh lệch lớn (Bảng 2). Thanh niên thuộc dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ cao nhất tại khu vực nghiên cứu (chiếm 78%), tiếp theo là dân tộc Khmer (chiếm 16%) và dân tộc Hoa (chiếm 6%). Để đảm bảo tính khách quan trong quá trình khảo sát, việc thu thập ý kiến các nhóm dân tộc thiểu số đã được tập trung thực hiện trong nghiên cứu. Tuy nhiên, kết quả phân tích thống kê cho thấy, không có sự khác biệt thống kê về mức độ quan tâm khởi nghiệp giữa các nhóm dân tộc ($p > 0,05$). Điều này có thể giải thích khi các yếu tố về giáo dục và hỗ trợ khởi nghiệp được kiểm soát, mức độ tham gia vào hoạt động kinh doanh giữa các nhóm dân tộc không có sự khác biệt đáng kể (Fairlie & Robb, 2008). Tương tự, kết quả nghiên cứu của Light & Gold (2000) cũng cho thấy rằng trong bối cảnh hiện đại, sự khác biệt về dân tộc không phải là yếu tố quyết định chính đối với ý định khởi nghiệp, mà thay vào đó, những yếu tố như cơ hội tiếp cận vốn, kỹ năng quản lý và mạng lưới quan hệ xã hội đóng vai trò quan trọng hơn.

Yếu tố nghề nghiệp bản thân và nền tảng kinh doanh của gia đình phần nào ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên. Kết quả khảo sát cho thấy, cơ cấu nghề nghiệp của đáp viên khá đa dạng (Bảng 2). Trong đó, tỷ lệ học sinh/sinh viên chiếm

phần lớn, đạt 60,7%. Các nghề nghiệp còn lại như làm thuê, phụ giúp gia đình, kinh doanh, công chức và khác chiếm từ 2 đến 13,3%. Trong tổng số 150 đáp viên, tỷ lệ đáp viên có nền tảng kinh doanh từ gia đình chiếm khoảng 46%. Nhóm thanh niên này thể hiện mức độ quan tâm đến khởi nghiệp cao hơn đáng kể so với nhóm không có nền tảng kinh doanh ($p < 0,05$). Việc lớn lên trong một môi trường kinh doanh giúp thanh niên tiếp xúc sớm với các hoạt động kinh doanh, rèn luyện kỹ năng quản lý, giao tiếp và hình thành tư duy kinh doanh nhạy bén (Chlosta et al., 2012). Đồng thời, họ cũng có cơ hội học hỏi kinh nghiệm thực tế từ các thành viên trong gia đình, từ đó tự tin hơn trong việc khởi nghiệp.

3.2. Thực trạng ý định khởi nghiệp của thanh niên

3.2.1. Ý định khởi nghiệp của thanh niên

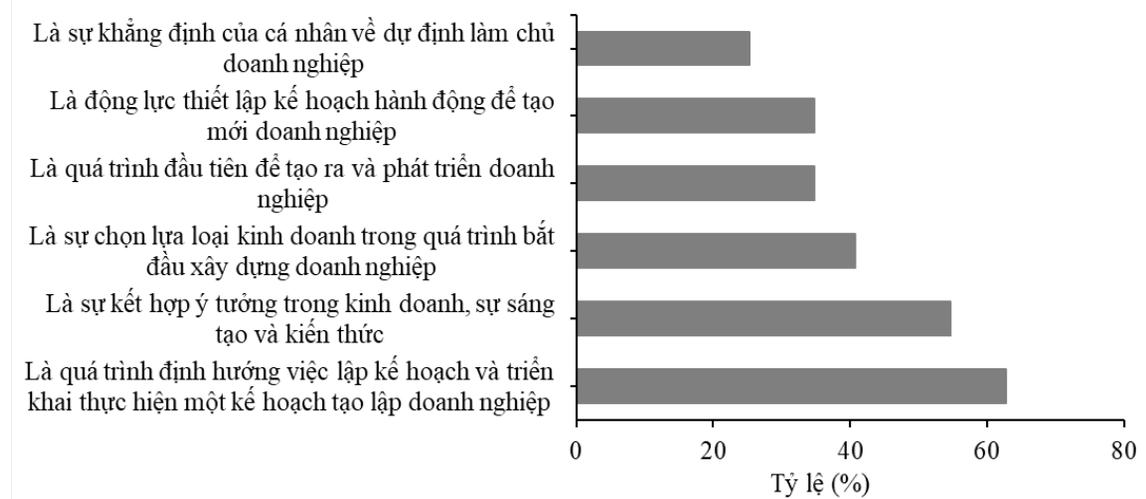
Việc thanh niên từng có ý định khởi nghiệp sẽ là một biểu hiện khả quan cho một hệ sinh thái khởi nghiệp trong tương lai tại huyện Cù Lao Dung. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phần lớn thanh niên tại khu vực nghiên cứu có ý định khởi nghiệp, chiếm tới 72% tổng số phản hồi. Điều này phản ánh, khởi nghiệp là một trong những vấn đề được quan tâm phổ biến trong thanh niên. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 28% thanh niên chưa từng có ý định khởi nghiệp. Nguyên nhân đến từ việc thanh niên không có vốn, không biết bắt đầu từ đâu, không có kinh nghiệm cũng như không có sự ủng hộ từ người thân, đặc biệt là thanh niên vẫn chưa thật sự quan tâm và

nhận thức được tầm quan trọng của khởi nghiệp. Theo nghiên cứu của Krueger et al. (2000), kết quả đã giúp nhấn mạnh rằng ý định khởi nghiệp của cá nhân chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như nhận thức về cơ hội, đặc biệt là niềm tin vào năng lực bản thân. Bên cạnh đó, môi trường hỗ trợ như cơ hội thị trường, tài chính và chính sách hỗ trợ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy ý định khởi nghiệp của thanh niên (Shapero & Sokol, 1982). Khi được tiếp cận với các chương trình đào tạo và hỗ trợ tài chính, thanh niên sẽ có xu hướng sẵn sàng khởi nghiệp hơn. Chính vì vậy, việc chú trọng đến những chính sách hỗ trợ về vốn và cung cấp kiến thức cho thanh niên về khởi nghiệp trong thời điểm hiện tại là thật sự cần thiết.

3.2.2. *Quan điểm của thanh niên về ý định khởi nghiệp*

Kết quả được thể hiện ở Hình 1 có thể cho thấy, hiểu biết của thanh niên về khởi nghiệp khá tốt. Có hơn 62% thanh niên nhận định rằng, “ý định khởi nghiệp là quá trình định hướng việc lập kế hoạch và triển khai thực hiện một kế hoạch tạo lập doanh nghiệp”.

Theo Bird (1998), ý định khởi nghiệp của một cá nhân là trạng thái tâm trí, trong đó hướng đến việc hình thành một hoạt động doanh nghiệp mới hay tạo lập một doanh nghiệp mới. Tiếp theo là 54,7% và 40,7% thanh niên lần lượt nhận định rằng ý định khởi nghiệp là “sự kết hợp ý tưởng trong kinh doanh, sự sáng tạo và kiến thức” và “là sự chọn lựa loại kinh doanh trong quá trình bắt đầu xây dựng doanh nghiệp”. Các nhận định còn lại như “ý định khởi nghiệp là quá trình đầu tiên để tạo ra và phát triển doanh nghiệp” hay “ý định khởi nghiệp là động lực thiết lập kế hoạch hành động để tạo mới doanh nghiệp” hoặc “ý định khởi nghiệp là sự khẳng định của cá nhân về dự định làm chủ doanh nghiệp” chiếm từ 25,3 đến 34,7% tổng số phản hồi (Hình 1). Ý định khởi nghiệp thường bắt nguồn từ việc nhận ra cơ hội, tận dụng các nguồn lực có sẵn và sự hỗ trợ của môi trường để tạo lập doanh nghiệp (Kuckertz & Wagner, 2010). Bên cạnh đó, ý định khởi nghiệp thường liên quan đến nội tâm, hoài bão và cảm giác của cá nhân đối với việc “đứng trên đôi chân của mình” (Zain et al., 2010).

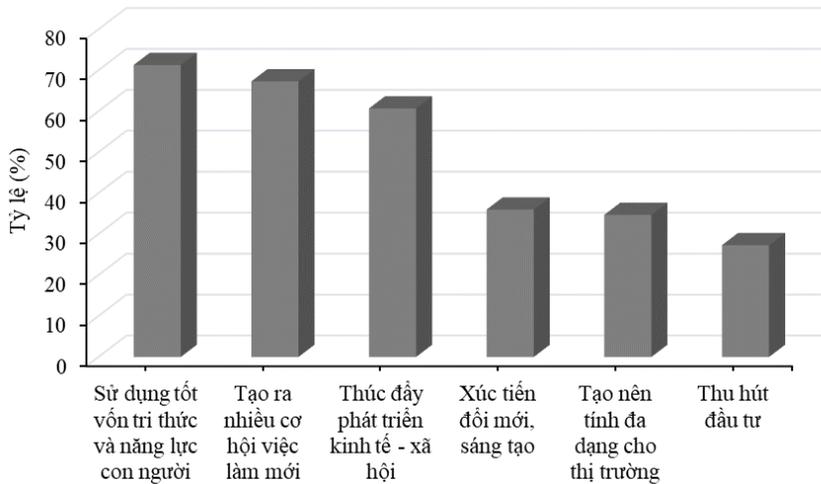


Hình 1. Quan điểm của thanh niên về ý định khởi nghiệp

3.2.3. *Nhận thức của thanh niên về vai trò khởi nghiệp*

Khởi nghiệp không chỉ đơn thuần là việc thành lập một doanh nghiệp mới, mà còn là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo và phát triển kinh tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có hơn 71% thanh niên nhận định rằng “khởi nghiệp giúp sử dụng tốt vốn tri thức và năng lượng con người”. Khởi nghiệp là môi trường để mỗi cá nhân được phát huy tối đa năng lực và sở trường của mình. Qua quá trình khởi nghiệp, cá nhân rèn luyện nhiều kỹ năng quan trọng như lãnh đạo, quản lý, giao tiếp, giải

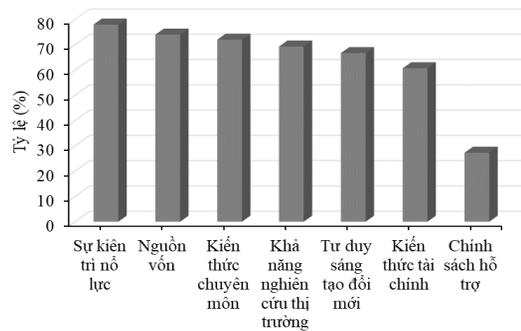
quyết vấn đề và chịu đựng áp lực. Sau đó là nhận định “khởi nghiệp tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới” và “khởi nghiệp giúp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”, lần lượt chiếm 67,3% và 60,7% tổng số phản hồi. Các doanh nghiệp khởi nghiệp thường tạo ra nhiều việc làm mới, đặc biệt cho người trẻ và những người có ít kinh nghiệm. Acs et al. (2008) cho rằng doanh nghiệp khởi nghiệp là nhân tố chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đặc biệt trong các nền kinh tế đang phát triển. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa không chỉ tạo thêm nhiều việc làm mới mà còn giúp phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn. Trong khi đó, các nhận định còn lại chiếm từ 27,3 đến 36% (Hình 2).



Hình 2. Nhận thức của thanh niên về vai trò khởi nghiệp

3.2.4. Nhận thức của thanh niên về các yếu tố cần có để khởi nghiệp

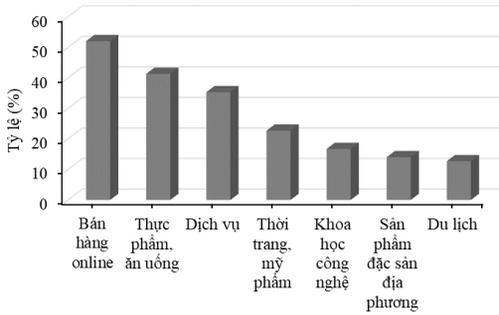
Khởi nghiệp là một hành trình đầy thách thức, đòi hỏi sự kết hợp hài hoà của nhiều yếu tố. Theo kết quả nghiên cứu, 08 yếu tố chính đã được xác định là chia khoá dẫn đến khởi nghiệp thành công (Hình 3). Trong đó, sự kiên trì nỗ lực được xem là yếu tố cốt lõi, nhận được sự đồng thuận rất cao từ đáp viên, chiếm 78% phản hồi. Điều này cho thấy khả năng vượt qua khó khăn, kiên trì theo đuổi mục tiêu là yếu tố không thể thiếu để biến ý tưởng thành hiện thực. Điều này cũng phù hợp với mô hình “tư duy khởi nghiệp (Entrepreneurial mindset)” của McGrath and MacMillan (2000), trong đó nhấn mạnh rằng những người kiên trì, có khả năng thích ứng với rủi ro và không dễ dàng bỏ cuộc thường có cơ hội thành công cao hơn. Bên cạnh đó, nguồn vốn, kiến thức chuyên môn, khả năng nghiên cứu thị trường, tư duy sáng tạo đổi mới và kiến thức tài chính cũng đóng vai trò quan trọng, được đánh giá cao từ 60,7 đến 74% trong tổng số phản hồi. Các yếu tố này cho thấy, để khởi nghiệp thành công, người khởi nghiệp cần không chỉ có đam mê mà còn phải trang bị cho mình những kiến thức, kỹ năng cần thiết, đồng thời có khả năng huy động nguồn lực tài chính. Tuy nhiên, yếu tố chính sách hỗ trợ nhận được sự quan tâm tương đối thấp (chiếm 27,3%). Điều này cho thấy, mặc dù chính sách hỗ trợ đóng vai trò quan trọng, nhưng đa số thanh niên khởi nghiệp vẫn tin rằng, yếu tố chủ quan từ bản thân mới là yếu tố quyết định thành công.



Hình 3. Nhận thức của thanh niên về các yếu tố cần có để khởi nghiệp thành công

3.2.5. Nhận thức của thanh niên về lĩnh vực khởi nghiệp

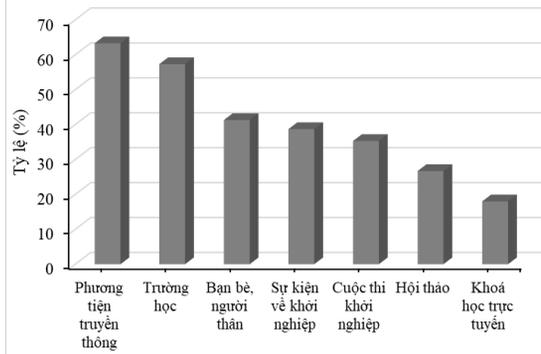
Kết quả khảo sát cho thấy, thanh niên hiện nay có xu hướng lựa chọn khởi nghiệp trong các lĩnh vực bán hàng online (chiếm 52%), thực phẩm (chiếm 41,3%) và dịch vụ (chiếm 35,3%). Sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử và nhu cầu tiêu dùng đa dạng đã thúc đẩy xu hướng này. Tuy nhiên, việc khai thác các tiềm năng địa phương, đặc biệt là trong lĩnh vực sản phẩm đặc sản và du lịch lại chưa được thanh niên quan tâm (Hình 4). Trong khi đó, Cù Lao Dung sở hữu nhiều lợi thế về du lịch sinh thái và ẩm thực đặc trưng. Do đó, để khuyến khích thanh niên khởi nghiệp trong lĩnh vực này, cần có những hoạt động tuyên truyền và hỗ trợ hiệu quả hơn, điều này nhằm giúp thanh niên nhận thức rõ hơn về tiềm năng phát triển của địa phương và trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết.



Hình 4. Nhận thức của thanh niên về lĩnh vực khởi nghiệp

3.2.6. Nguồn tiếp cận thông tin về khởi nghiệp

Hiện nay, thanh niên có nhiều kênh tiếp cận thông tin về khởi nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy, thanh niên huyện Cù Lao Dung chủ yếu tiếp cận thông tin khởi nghiệp thông qua các kênh truyền thông số bao gồm mạng xã hội, internet (chiếm 63,3%) và môi trường học tập (các môn học, chương trình tại trường) chiếm 57,3%. Sự phát triển của công nghệ số đã tạo điều kiện để thanh niên tiếp cận thông tin khởi nghiệp một cách nhanh chóng, đa chiều và hiệu quả (Farrukh et al., 2018). Mạng xã hội không chỉ cung cấp thông tin mà còn tạo ra các cộng đồng khởi nghiệp, nơi các bạn trẻ có thể tương tác, trao đổi kinh nghiệm và tìm kiếm sự hỗ trợ. Bên cạnh đó, việc tích hợp kiến thức khởi nghiệp vào chương trình học giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Việc giáo dục khởi nghiệp trong trường học không chỉ nâng cao nhận thức mà còn có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trong dài hạn (Nabi et al., 2017). Tuy nhiên, việc phụ thuộc quá nhiều vào các nguồn thông tin trực tuyến cũng tiềm ẩn những hạn chế như thông tin chưa được kiểm chứng hoặc thiếu chuyên sâu. Bên cạnh đó, các mạng lưới xã hội (bạn bè, người thân, đồng nghiệp) và các sự kiện, hội thảo về khởi nghiệp cũng đóng vai trò quan trọng trong việc truyền cảm hứng và cung cấp những kiến thức thực tế về khởi nghiệp (Hình 5).



Hình 5. Hình thức tiếp nhận thông tin về khởi nghiệp

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên

3.3.1. Kiểm định thang đo bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha

Trong nghiên cứu này, việc kiểm định độ tin cậy của các thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha đã được tiến hành để đánh giá sự phù hợp của các biến quan sát. Kết quả cho thấy, hầu hết các thang đo đều đạt được độ tin cậy cao với hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6; ngoại trừ thang đo “Đặc điểm tính cách” cần loại bỏ biến DD5 do hệ số tương quan biến - tổng thấp, nhỏ hơn 0,4. (Bảng 3). Việc loại bỏ biến DD5 trong thang đo “Đặc điểm tính cách” là cần thiết, vì biến này không có mối liên hệ chặt chẽ với các biến còn lại trong thang đo, do đó không đóng góp vào việc đo lường chính xác khái niệm “Đặc điểm tính cách”. Các thang đo còn lại, bao gồm “Thái độ khởi nghiệp”, “Chuẩn chủ quan”, “Nhận thức kiểm soát hành vi”, “Giáo dục” và “Tài chính” đều đạt độ tin cậy rất tốt với hệ số Cronbach's Alpha dao động từ 0,748 đến 0,891 và hệ số tương quan biến - tổng của các biến quan sát dao động từ 0,435 đến 0,762. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với các nghiên cứu trước đây về độ tin cậy của thang đo trong lĩnh vực khởi nghiệp. Cụ thể, nghiên cứu của Vu & Nguyen (2023) khi đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp cũng ghi nhận rằng các thang đo về thái độ - quan niệm đối với khởi nghiệp, nguồn vốn, nhận thức kiểm soát hành vi đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,8, đảm bảo độ tin cậy cao. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của Nguyen et al. (2019) về các yếu tố tác động đến khởi nghiệp của thanh niên cho thấy các biến quan sát thuộc thang đo “nhận thức kiểm soát hành vi” có hệ số tương quan biến - tổng thấp (nhỏ hơn 0,4), dẫn đến việc phải loại bỏ một số yếu tố để đảm bảo tính nhất quán nội bộ. Điều này tương tự với việc loại bỏ biến DD5 trong nghiên cứu này nhằm

cải thiện độ tin cậy tổng thể của thang đo. Việc kiểm định Cronbach's Alpha giúp đảm bảo rằng các biến quan sát được sử dụng trong bước phân tích tiếp theo có tính thống nhất và phù hợp để tiếp tục được phân tích EFA.

Bảng 3. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha

Biến quan sát	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Thái độ khởi nghiệp - Cronbach's Alpha = 0,815		
TD1	0,709	0,731
TD2	0,541	0,809
TD3	0,650	0,770
TD4	0,692	0,746
Chuẩn chủ quan - Cronbach's Alpha = 0,748		
CQ1	0,541	0,691
CQ2	0,553	0,684
CQ3	0,523	0,701
CQ4	0,563	0,684
Nhận thức kiểm soát hành vi - Cronbach's Alpha = 0,815		
NT1	0,635	0,769
NT2	0,675	0,749
NT3	0,647	0,765
NT4	0,600	0,790
Giáo dục - Cronbach's Alpha = 0,891		
GD1	0,719	0,872
GD2	0,774	0,859
GD3	0,717	0,872
GD4	0,762	0,862
GD4	0,703	0,875
Đặc điểm tính cách - Cronbach's Alpha = 0,743		
DD1	0,715	0,618
DD2	0,636	0,655
DD3	0,435	0,727
DD4	0,709	0,620
DD5	0,224	0,842
Tài chính - Cronbach's Alpha = 0,775		
TC1	0,575	0,737
TC2	0,605	0,705
TC3	0,658	0,650

3.3.2. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Trong nghiên cứu, phân tích EFA được tiến hành nhằm giảm số lượng biến và xác định các cấu trúc

tiềm ẩn trong dữ liệu. Kết quả phân tích EFA đạt yêu cầu với các chỉ số thống kê phù hợp bao gồm KMO = 0,631 (nằm trong khoảng $0,5 < KMO < 1$), kiểm định Bartlett's có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) và phương sai giải thích tích lũy đạt 75,98%. Bên cạnh đó, sau khi loại bỏ các biến không đạt ngưỡng tải nhân tố 0,5 thì 22/24 biến quan sát ban đầu được trích xuất và chia thành 06 nhóm nhân tố độc lập, bao gồm: giáo dục, thái độ, đặc điểm tính cách, tài chính, nhận thức kiểm soát hành vi và chuẩn chủ quan (Bảng 4).

Nhóm nhân tố F1 gồm 04 biến: GD2, GD3, GD4 và GD5. Các biến quan sát thuộc yếu tố giáo dục được ký hiệu là "GD".

Nhóm nhân tố F2 gồm 04 biến: TD1, TD2, TD3 và TD4. Các biến quan sát thuộc yếu tố thái độ được ký hiệu là "TD".

Nhóm nhân tố F3 gồm 03 biến: DD1, DD2 và DD4. Các biến quan sát thuộc yếu tố đặc điểm tính cách được ký hiệu là "DD".

Nhóm nhân tố F4 gồm 03 biến: TC1, TC2 và TC3. Các biến quan sát thuộc yếu tố tài chính được ký hiệu là "TC".

Nhóm nhân tố F5 gồm 04 biến: NT1, NT2, NT3 và NT4. Các biến quan sát thuộc yếu tố nhận thức kiểm soát hành vi được ký hiệu là "NT".

Nhóm nhân tố F6 gồm 04 biến: CQ1, CQ2, CQ3 và CQ4. Các biến quan sát thuộc yếu tố chuẩn chủ quan được ký hiệu là "CQ".

Bên cạnh đó, phân tích EFA đối với các biến phụ thuộc cũng được tiến hành trong nghiên cứu nhằm giải thích rõ hơn ý định khởi nghiệp của thanh niên. Kết quả cho thấy, cấu trúc nhân tố rõ ràng với 03 nhân tố chính trong 01 biến phụ thuộc (Bảng 5), giải thích 80,08% tổng phương sai. Các kết quả này cho phép rút gọn mô hình và tập trung vào các yếu tố cốt lõi ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên huyện Cù Lao Dung.

Bảng 4. Kết quả phân tích nhân tố khám phá biến độc lập

Biến quan sát	Ma trận xoay nhân tố					
	F1	F2	F3	F4	F5	F6
GD3	0,863					
GD5	0,701					
GD4	0,682					
GD2	0,636					
TD4		0,821				
TD1		0,744				
TD2		0,728				
TD3		0,704				
DD4			0,882			
DD2			0,870			
DD1			0,852			
TC3				0,820		
TC1				0,752		
TC2				0,710		
NT2					0,745	
NT4					0,744	
NT1					0,645	
NT3					0,622	
CQ4						0,775
CQ1						0,750
CQ2						0,742
CQ3						0,705

Bảng 5. Kết quả phân tích EFA đối với biến phụ thuộc

Ký hiệu	Nhân tố	Thành phần
YD1	Tôi mong muốn lập doanh nghiệp cho riêng mình	0,932
YD2	Tôi luôn có nguồn cảm hứng sáng tạo để khởi nghiệp	0,877
YD3	Mục tiêu cuộc đời tôi là thành lập doanh nghiệp riêng	0,874

3.3.3. Phân tích ma trận điểm nhân tố

Sau khi phân tích EFA và trích xuất được 06 nhóm nhân tố độc lập, việc phân tích mô hình ma trận điểm các nhân tố ảnh hưởng ý định khởi nghiệp của thanh niên huyện Cù Lao Dung đã được tiếp tục thực hiện trong nghiên cứu. Kết quả phân tích ma trận điểm được trình bày chi tiết tại Bảng 6.

Bảng 6. Kết quả phân tích ma trận điểm nhân tố

Biến quan sát	Ma trận xoay nhân tố					
	F1	F2	F3	F4	F5	F6
GD3	0,397					
GD5	0,301					
GD2	0,203					
GD4	0,202					
TD4		0,376				
TD2		0,349				
TD1		0,302				
TD3		0,275				
DD2			0,404			
DD1			0,344			
DD4			0,331			
TC3				0,418		
TC1				0,338		

Biến quan sát	Ma trận xoay nhân tố					
	F1	F2	F3	F4	F5	F6
TC2				0,295		
NT4					0,364	
NT2					0,351	
NT1					0,246	
NT3					0,227	
CQ4						0,335
CQ2						0,316
CQ1						0,299
CQ3						0,299

3.3.4. Phân tích hồi quy tuyến tính

Kết quả phân tích tương quan Pearson cho thấy, các biến độc lập bao gồm “NT – Nhận thức kiểm soát hành vi”, “GD – Giáo dục”, “TD – Thái độ khởi nghiệp”, “CQ – Chuẩn chủ quan”, “DD – Đặc điểm tính cách”, “TC – Tài chính” và biến phụ thuộc “YDKN – Ý định khởi nghiệp của thanh niên” có mối tương quan tuyến tính với nhau. Do đó, mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên huyện Cù Lao Dung đã được đề xuất như sau: $YDKN = f(F1, F2, F3, F4, F5, F6)$. Với YDKN là biến phụ thuộc, YDKN được định lượng bằng cách tính điểm trung bình của các biến quan sát thuộc nhân tố này. Các biến F1, F2, F3, F4, F5, F6 được định lượng bằng cách tính điểm trung bình của các biến quan sát nằm trong nhân tố đó. Kết quả hồi quy đa biến được trình bày tại **Bảng 7**.

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến cho thấy, mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$), giải thích 63,7% sự biến động của biến phụ thuộc “ý định khởi nghiệp”. Các biến độc lập bao gồm “Tài chính”, “Đặc điểm tính cách”, “Chuẩn chủ quan”,

“Thái độ khởi nghiệp”, “Giáo dục” và “Nhận thức kiểm soát hành vi” đều có ảnh hưởng đáng kể đến ý định khởi nghiệp của thanh niên huyện Cù Lao Dung, với hệ số hồi quy chuẩn hoá lần lượt là 0,257; 0,231; 0,221; 0,206; 0,169 và 0,154, tương ứng với phương trình sau:

$$YDKN1 = 0,257TC^{***} + 0,231DD^{***} + 0,221CQ^{***} + 0,206TD^{***} + 0,169GD^{***} + 0,154NT^{***}$$

Điều này có thấy, tài chính là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp của thanh niên khu vực nghiên cứu. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Rusu et al. (2022), yếu tố tài chính được xem là rào cản lớn đối với hoạt động khởi nghiệp. Trong nghiên cứu của Vu and Nguyen (2023), kết quả cho thấy các yếu tố như giáo dục và thái độ khởi nghiệp cũng được xác định là những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp. Đồng thời, đặc điểm tính cách và nhận thức kiểm soát hành vi cũng đóng vai trò đáng kể trong việc quyết định ý định khởi nghiệp cá nhân (Phan & Tran, 2017; Nguyen et al., 2019; Le, 2020; Zanabazar & Jigjiddorj, 2020).

Bảng 7. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến

Nhân tố	Hệ số (B)	Hệ số (Beta)	Sig.	VIF
Hằng số	-1,984	-	0,000	-
F1: TC	0,351	0,257	0,000	1,479
F2: DD	0,242	0,231	0,000	1,364
F3: CQ	0,342	0,221	0,000	1,085
F4: TD	0,267	0,206	0,001	1,559
F5: GD	0,175	0,169	0,019	1,983
F6: NT	0,202	0,154	0,019	1,661
Sig.F	-	-	-	0,000
Hệ số R ² hiệu chỉnh	-	-	-	0,637
Hệ số Durbin-Waston	-	-	-	2,070

Đối với phương trình chưa chuẩn hoá, các hệ số hồi quy phản ánh sự thay đổi của biến phụ thuộc “ý định khởi nghiệp – Y” khi một biến độc lập X thay đổi và các biến độc lập X còn lại được giữ nguyên. Phương trình hồi quy chưa chuẩn hoá có dạng:

$$YDKN2 = -1,984 + 0,351TC^{***} + 0,342CQ^{***} + 0,267TD^{***} + 0,242DD^{***} + 0,202NT^{***} + 0,175GD^{***}$$

Từ phương trình có thể thấy, nhóm yếu tố Tài chính – TC (F1), trong điều kiện các yếu tố khác

không thay đổi, nếu yếu tố F1 thay đổi 1 đơn vị thì ý định khởi nghiệp của thanh niên sẽ thay đổi 0,351 đơn vị. Nhóm yếu tố Chuẩn chủ quan – CQ (F3), trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi, nếu yếu tố F3 thay đổi 1 đơn vị thì ý định khởi nghiệp của thanh niên sẽ thay đổi 0,342 đơn vị. Nhóm yếu tố Thái độ khởi nghiệp – TD (F4), trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi, nếu yếu tố F4 thay đổi 1 đơn vị thì ý định khởi nghiệp của thanh niên sẽ thay đổi 0,267 đơn vị. Nhóm yếu tố Đặc điểm tính cách – DD (F2), trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi, nếu yếu tố F2 thay đổi 1 đơn vị thì ý định khởi nghiệp của thanh niên sẽ thay đổi 0,242 đơn vị. Nhóm yếu tố Nhận thức kiểm soát hành vi – NT (F6), trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi, nếu yếu tố F6 thay đổi 1 đơn vị thì ý định khởi nghiệp của thanh niên sẽ thay đổi 0,202 đơn vị. Nhóm yếu tố Giáo dục – GD (F5), trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi, nếu yếu tố F5 thay đổi 1 đơn vị thì ý định khởi nghiệp của thanh niên sẽ thay đổi 0,175 đơn vị.

3.4. Đề xuất các giải pháp

Dựa trên thực trạng ý định khởi nghiệp và các yếu tố ảnh hưởng đến khởi nghiệp của thanh niên, một số giải pháp đã được đưa ra trong nghiên cứu nhằm góp phần thúc đẩy ý định khởi nghiệp của thanh niên huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Về giải pháp cá nhân thanh niên, thanh niên đánh giá cao các giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp, đặc biệt là nhu cầu nâng cao kiến thức khởi nghiệp, xây dựng mạng lưới quan hệ, nắm bắt cơ hội và rèn luyện kỹ năng khởi nghiệp. Điểm trung bình cao (từ 3,88 đến 4,15) cho thấy các giải pháp này phù hợp với nhận thức và mong muốn của thanh niên. Việc tìm kiếm thông tin đáng tin cậy cũng được đánh giá cao, điều này khẳng định tầm quan trọng của việc chuẩn bị kiến thức trước khi bắt đầu khởi nghiệp, đạt điểm trung bình 4,01 theo thang đo Likert 5. Do đó, việc đề xuất các giải pháp này là hoàn toàn hợp lý và cần thiết để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong giới trẻ.

Về giải pháp gia đình, thanh niên đánh giá rất cao sự ủng hộ về tinh thần (điểm trung bình 4,17) và vật chất (điểm trung bình 3,64) từ gia đình. Điều này cho thấy, sự ủng hộ của gia đình không chỉ là động lực mà còn là yếu tố thiết yếu để thanh niên tự tin theo đuổi ý tưởng khởi nghiệp của mình. Đặc biệt, gia đình cần ủng hộ ý định khởi nghiệp của con cái, đạt điểm trung bình 4,34 theo thang đo Likert 5, khẳng định tầm quan trọng của vai trò gia đình trong quá trình hình thành và phát triển ý định khởi nghiệp ở thanh niên.

Về giải pháp nhà trường, các giải pháp như lồng ghép kiến thức khởi nghiệp vào chương trình học, tổ chức các hoạt động liên quan đến khởi nghiệp và khuyến khích học sinh khởi nghiệp đều nhận được sự đồng thuận cao từ thanh niên (điểm trung bình từ 4,26 đến 4,29). Điều này cho thấy nhu cầu được trang bị kiến thức, kỹ năng và cơ hội thực hành khởi nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường là rất lớn. Việc tổ chức các hoạt động khởi nghiệp, mặc dù nhận được sự đồng thuận thấp hơn so với các giải pháp khác (điểm trung bình 3,86), vẫn là một giải pháp quan trọng để tạo động lực và khơi gợi ý tưởng khởi nghiệp cho thanh niên.

Về chính quyền địa phương, để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong giới trẻ, chính quyền địa phương cần tập trung vào việc hỗ trợ tài chính và tạo tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên khởi nghiệp. Cụ thể, việc hỗ trợ các gói vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất và tạo điều kiện tiếp cận các nguồn vốn đầu tư là vô cùng cần thiết. Các giải pháp này nhận được sự đồng thuận rất cao từ thanh niên, đạt điểm trung bình từ 4,23 đến 4,31 theo thang đo Likert 5. Điều này cho thấy nhu cầu được chính quyền địa phương hỗ trợ về nhiều mặt, từ thủ tục hành chính đến nguồn lực tài chính là rất lớn. Bên cạnh đó, việc tổ chức các hoạt động đào tạo và nâng cao năng lực cũng được đánh giá cao (điểm trung bình 3,97 đến 4,27), thể hiện mong muốn của thanh niên được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để khởi nghiệp thành công. Các chương trình đào tạo nên tập trung vào các kỹ năng mềm như quản lý tài chính, marketing và các kỹ năng kỹ thuật chuyên môn. Ngoài ra, để tạo một hệ sinh thái khởi nghiệp lành mạnh, chính quyền địa phương cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, các đơn vị đầu tư và các trường đại học.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy có đến 72% thanh niên được khảo sát thể hiện ý định khởi nghiệp, cho thấy nhận thức khá cao về tầm quan trọng của khởi nghiệp trong phát triển kinh tế và tạo việc làm. Đồng thời, thanh niên có hiểu biết nhất định về khái niệm ý định khởi nghiệp, vai trò của khởi nghiệp cũng như các yếu tố cốt lõi cần có để khởi nghiệp thành công và thường tìm kiếm thông tin qua các kênh trực tuyến như mạng xã hội và internet. Các lĩnh vực khởi nghiệp được thanh niên quan tâm chủ yếu tập trung vào bán hàng online (chiếm 52%), thực phẩm (chiếm 41,3%) và dịch vụ (chiếm 35,3%).

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy hầu hết các thang đo đều đạt độ tin cậy cao (Cronbach's Alpha > 0,6), ngoại trừ biến DD5 trong thang đo "Đặc điểm tính cách" bị loại do hệ số tương quan biến -

tổng thấp. Bên cạnh đó, kết quả phân tích EFA cho thấy 22/24 biến quan sát được trích xuất thành sáu nhóm nhân tố độc lập bao gồm giáo dục, thái độ khởi nghiệp, đặc điểm tính cách, tài chính, nhận thức kiểm soát hành vi và chuẩn chủ quan. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê và giải thích 63,7% sự biến động của ý định khởi nghiệp. Các yếu tố tài chính, đặc điểm tính cách, chuẩn chủ quan, thái độ khởi nghiệp, giáo dục và nhận thức kiểm soát hành vi đều có ảnh hưởng mạnh mẽ đến ý định khởi nghiệp. Trong đó, yếu tố tài chính có tác động mạnh nhất. Từ đó, để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của thanh niên, một số giải pháp đã được đề xuất trong nghiên cứu như hỗ trợ tài chính, đào tạo kỹ năng khởi nghiệp, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp trẻ và tăng cường liên kết giữa các đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp.

Trong nghiên cứu, các yếu tố chính ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên tại huyện Cù Lao Dung đã được xác định, nhưng vẫn còn một số vấn đề cần được quan sát đánh giá theo thời gian và sự biến đổi của xã hội, có thể định hướng cho các nghiên cứu tiếp theo về: tác động của chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, ảnh hưởng của công nghệ số và thương mại điện tử, cũng như vai trò của môi trường văn hóa - xã hội đối với tinh thần khởi nghiệp của thanh niên. Ngoài ra, việc phân tích động lực duy trì và phát triển doanh nghiệp sau khi khởi nghiệp có thể được thực hiện, thay vì chỉ tập trung vào ý định ban đầu. Điều này sẽ giúp cung cấp thông tin hữu ích hơn cho các chính sách hỗ trợ dài hạn nhằm đảm bảo sự bền vững của doanh nghiệp khởi nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO (REFERENCES)

- Acs, Z. J., Desai, S., & Hessels, J. (2008). Entrepreneurship, economic development and institutions. *Small Business Economics*, 31(3), 219-234. <https://doi.org/10.1007/s11187-008-9135-9>
- Ajzen, I. (1991). Theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179-211. [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T)
- Autio, E., Keeley, R. H., Klofsten, M., Parker, G. G. C., & Hay, M. (2001). Entrepreneurial intent among students in Scandinavia and in the USA. *Enterprise and Innovation Management Studies*, 2(2), 145-160. <https://doi.org/10.1080/14632440110094632>
- Bird, B. (1988). Implementing entrepreneurial ideas: The case for intention. *Academy of Management Review*, 13(3), 442-453. <https://doi.org/10.5465/amr.1988.4306970>
- Chlosta, S., Patzelt, H., Klein, S. B., & Dormann, C. (2012). Parental role models and the decision to become self-employed: The moderating effect of personality. *Small Business Economics*, 38(1), 121-138. <https://doi.org/10.1007/s11187-010-9270-y>
- Fairlie, R. W., & Robb, A. M. (2008). *Race and Entrepreneurial Success: Black-, Asian-, and White-Owned Businesses in the United States*. MIT Press. <https://doi.org/10.7551/mitpress/7961.001.0001>
- Farrukh, M., Khan, A. A., Shahid Khan, M., Ravan Ramzani, S., & Soladoye, B. S. (2018). Entrepreneurial intentions: The role of family factors, personality traits and self-efficacy. *Journal of Small Business & Entrepreneurship*, 30(3), 233-252.
- Fragoso, R., Rocha-Junior, W., & Xavier, A. (2020). Determinant factors of entrepreneurial intention among university students in Brazil and Portugal. *Journal of Small Business & Entrepreneurship*, 32(1), 33-57. <https://doi.org/10.1080/08276331.2018.1551459>
- Hair, J. F., Black, W., Babin, B., & Anderson, R. (2010). *Multivariate data analysis: A Global Perspective (7th ed.)*. Upper Saddle River: Pearson Prentice Hall.
- Haris, N. A., Yahya, Y., Abdullah, M., Othman, A. T., & Rahman, F. A. (2016). A decision tree approach for predicting students entrepreneurial intention. *Sindh University Research Journal (Science Series)*, 48(4D), 45-50. <https://doi.org/10.26692/surj-ss.v48i2>
- Hoang, Trong., & Chu, Ngoc. N. M. (2008). *Analyzing research data with SPSS, volume 1 and volume 2*. Hong Duc Publishing House (in Vietnamese).
- Huynh, T., B. (2020). *Factors affecting youth entrepreneurial intentions and suggesting some policies to promote youth entrepreneurship in Tien Giang province*. Master's thesis. International University, Ho Chi Minh City (Vietnamese).
- Krueger, N. F., Reilly, M. D., & Carsrud, A. L. (2000). Competing models of entrepreneurial intentions. *Journal of Business Venturing*, 15(5-6), 411-432. [https://doi.org/10.1016/S0883-9026\(98\)00033-0](https://doi.org/10.1016/S0883-9026(98)00033-0)
- Krueger, N., Reilly, M., & Carsrud, A. (2000). Competing models of entrepreneurial intentions. *Journal of Business Venturing*, 15(5-6), 411-432. [https://doi.org/10.1016/S0883-9026\(98\)00033-0](https://doi.org/10.1016/S0883-9026(98)00033-0)

- Kuckertz, A., & Wagner, M. (2010). The influence of sustainability orientation on entrepreneurial intentions - Investigating the role of business experience. *Journal of Business Venturing*, 25(5), 524-539. <https://doi.org/10.1016/j.jbusvent.2009.09.001>
- Le, B., V. T. (2020). *Factors affecting the entrepreneurial intention of young people in Chau Duc district, Ba Ria - Vung Tau province*. Master's thesis. Ba Ria - Vung Tau University (Vietnamese).
- Lee, S. M., Lim, S. B., Pathak, R. D., Chang, D., & Li, W. (2006). Influences on students attitudes toward entrepreneurship: A multi-country study. *International Entrepreneurship and Management Journal*, 2(3), 351-366. <https://doi.org/10.1007/s11365-006-0003-2>
- Light, I. H., & Gold, S. J. (2000). *Ethnic Economies*. Academic Press.
- Liñán, F., & Chen, Y. W. (2009). Development and cross-cultural application of a specific instrument to measure entrepreneurial intentions. *Entrepreneurship Theory and Practice*, 33(3), 593-617. <https://doi.org/10.1111/j.1540-6520.2009.00318.x>
- Mat, S. C., Maat, S. M., & Mohd, N. (2015). Identifying factors that affecting the entrepreneurial intention among Engineering Technology Students. *Procedia – Social and Behavioral Sciences*, 211, 1016-1022. <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2015.11.135>
- McGrath, R. G., & MacMillan, I. C. (2000). *The entrepreneurial mindset: Strategies for continuously creating opportunity in an age of uncertainty*. Harvard Business Press.
- Mekonnin, R. (2015). Determining entrepreneurial motivation of undergraduate students in ethiopian higher learning institutions: A Case of Haramaya University. *Middle Eastern & African Journal of Educational Research*, 14, 4-19.
- Miranda, F. J., Chamorro-Mera, A., & Rubio, S. (2017). Academic entrepreneurship in Spanish University: An analysis of the determinants of entrepreneurial intention. *European Research on Management and Business Economics*, 23(2), 113-122. <https://doi.org/10.1016/j.iedeen.2017.01.001>
- Nabi, G., Liñán, F., Fayolle, A., Krueger, N., & Walmsley, A. (2017). The impact of entrepreneurship education in higher education: A systematic review and research agenda. *Academy of Management Learning & Education*, 17(2), 277-299. <https://doi.org/10.5465/amle.2015.0026>
- Nga, J. K. H., & Shamuganathan, G. (2010). The influence of personality traits and demographic factors on social entrepreneurship start up intentions. *Journal of Business Ethics*, 95(2), 259-282. <https://doi.org/10.1007/s10551-009-0358-8>
- Nguyen, T. D. (2011). *Scientific research methods in business*. Ho Chi Minh City, Vietnam: Labor and Social Publishing House (in Vietnamese).
- Nguyen, T., A., Do, H., T. H., Vu, T., V. T., Dang, Anh, K., & Nguyen, Long, H. (2019). Factors affecting entrepreneurial intentions among youths in Vietnam. *Children and Youth Services Review*, 99, 186-193. <https://doi.org/10.1016/j.childyouth.2019.01.039>
- People's Committee of Soc Trang province (2023). *Decision on approving the Construction planning of Cu Lao Dung district, Soc Trang province to 2040, with a vision to 2050* (No. 3422/QD-UBND) (in Vietnamese).
- Pham, Anh. D. (2021). *Current status and development orientation of creative startups in Vietnam*. Proceedings of the Scientific Conference on Strengthening innovation capacity at Vietnamese Commercial Banks. Labor Publishing House (in Vietnamese).
- Phan, T. A., & Tran, H. Q. (2017). Analysis of factors influencing entrepreneurial intention among students of Can Tho University of Technology. *Can Tho University Journal of Science*, 48(Part D), 96-103 (in Vietnamese).
- Rusu, V. D., Roman, A., & Tudise, M. B. (2022). Determinants of entrepreneurial intentions of youth: The role of access to finance. *Inzinerine Ekonomika – Engineering Economics*, 33(1), 86-102. <http://dx.doi.org/10.5755/j01.ee.33.1.28716>
- Shapero, A., & Sokol, L. (1982). The social dimensions of entrepreneurship. In *Kent, C. A., Sexton, D. L., & Vesper, K. H. (Eds.) The Encyclopedia of Entrepreneurship* (pp. 72-90). Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
- Shinnar, R. S., Giacomini, O., Janssen, F. (2012). Entrepreneurial perceptions and intentions: The role of gender and culture. *Entrepreneurship Theory and Practice*, 36(3), 465-493. <https://doi.org/10.1111/j.1540-6520.2012.00509.x>
- Sobel, R. S., & King, K. A. (2008). Does school choice increase the rate of youth entrepreneurship? *Economics of Education Review*, 27(4), 429-438. <https://doi.org/10.1016/j.econedurev.2007.01.005>
- Swaramarinda, D. R., Isa, B., Yusof, N. M., Kadir, A. B. A., & Rahman, Z. A. (2022). Improving the quality of youth: Scale development of entrepreneurial intention. *General Management*, 23(199), 143-155.
- Vo, H. V., & Le, T. H. V. (2021). A study of factors affecting Tien Giang University students' entrepreneurial intention. *Ho Chi Minh City*

- Open University Journal of Science – Economics and Business Administration*, 16(2), 170-192 (in Vietnamese).
- Vu, N. Q., & Nguyen, H. Q. (2023). Start-up intention of the youth from ethnic minorities and mountainous areas – Research in Ha Giang Province, Vietnam. *Journal of Economics and Development*, 311, 51-64 (in Vietnamese).
- Wang, C. K., & Wong, P. K. (2004). Entrepreneurial interest of university students in Singapore. *Technovation*, 24(2), 163-172.
[https://doi.org/10.1016/S0166-4972\(02\)00016-0](https://doi.org/10.1016/S0166-4972(02)00016-0)
- Wasilczuk, J. E., & Licznarska, M. (2024). Entrepreneurial intentions of students from Latvia, Poland, and Ukraine: The role of perceived entrepreneurial education results. *Journal of Entrepreneurship, Management and Innovation*, 20(1), 103-121.
<https://doi.org/10.7341/20242016>
- Yurtkoru, E. S., Kuşcu, Z. K., & Doğanay, A. (2014). Exploring the antecedents of entrepreneurial intention on Turkish University Students. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 150, 841-850.
<https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2014.09.093>
- Zain, Z. M., Akram, A. M., & Ghani, E. K. (2010). Entrepreneurship intention among Malaysian business students. *Canadian Social Science*, 6(3), 34-44.
- Zanabazar, A., & Jigjiddorj, S. (2020). The factors effecting entrepreneurial intention of university students: case of Mongolia. *SHS Web of Conferences*, 73, 01034.
<https://doi.org/10.1051/shsconf/20207301034>
- Zhang, Y., Duysters, G., & Cloudt, M. (2014). The role of entrepreneurship education as a predictor of university students' entrepreneurial intention. *International Entrepreneurship and Management Journal*, 10(3), 623-641.
<https://doi.org/10.1007/s11365-012-0246-z>